

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tri thức truyền thống được khai thác trên phạm vi toàn cầu hàng ngàn năm nay và được cộng đồng quốc tế nghiên cứu nhằm tìm kiếm các công cụ pháp lý để bảo vệ từ những năm bảy mươi của thế kỷ trước. Cho đến nay, đây vẫn là chủ đề gây tranh luận không chỉ trên bình diện quốc gia mà còn ở các diễn đàn quốc tế.

Tri thức bản địa được hiểu là là những kinh nghiệm được duy trì và đúc rút qua nhiều thế hệ ở các cộng đồng cư dân từ thực tiễn sản xuất và đời sống. Cho tới nay, thế giới đã công nhận tri thức bản địa là nguồn tri thức có tính hữu dụng cao trong cuộc sống hàng ngày của con người và được xem là cơ sở cho những sáng tạo kế tiếp của nhiều ngành khoa học mà hiện đang là mối quan tâm của toàn thế giới. Những tri thức này có thể kể đến là các tri thức về thiên nhiên, y dược học, thực phẩm, văn hóa nghệ thuật... Trong quá trình toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng và nhờ có sự trợ giúp phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, tri thức bản địa được biết đến nhiều hơn trở thành một trong những vấn đề được pháp luật quốc gia và quốc tế quan tâm hơn. Tuy nhiên, việc tiếp cận thế nào để sử dụng nó được nhiều hơn, ai được hưởng lợi và chia sẻ những lợi ích từ việc hưởng lợi như thế nào ngày càng gây tranh cãi và bất đồng giữa các cộng đồng và các quốc gia.

Nằm trong tình hình chung hội nhập, Việt Nam cũng như các quốc gia đang phát triển đang lo ngại về những tri thức truyền thống đúc rút từ kinh nghiệm của rất nhiều thế hệ cộng đồng khác nhau sẽ không được sử dụng tương xứng với giá trị của nó. Trong khi quốc tế đang có những nghiên cứu và hợp tác sâu rộng về bảo hộ tri thức truyền thống thì việc nghiên cứu bảo hộ và bảo tồn tri thức bản địa của Việt Nam càng mang tính cấp thiết,

đảm bảo cho chúng ta có những kiến thức đầy đủ bảo vệ mình thông qua cơ chế chính sách pháp luật cụ thể, rõ ràng đồng thời sẵn sàng kiến thức trong quá trình đàm phán quốc tế về vấn đề này.

Thực tế tận dụng thế mạnh tri thức để phát triển kinh tế, Đại hội Đảng lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh quốc tế mới phải gắn với phát triển kinh tế tri thức: Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu phát triển bền vững, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ môi trường (bên cạnh các nhiệm vụ phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường). Đây là những định hướng rất cần thiết giúp chúng ta có những quan tâm đặc biệt về việc tận dụng những tri thức truyền thống, kết hợp với tri thức bên ngoài để phát triển kinh tế. Đồng thời, những định hướng trên cũng làm cơ sở cho chúng ta xây dựng cơ chế bảo hộ vốn tri thức truyền thống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Về mặt luật pháp, mặc dù chưa có luật chuyên ngành về quản lý và khai thác tri thức truyền thống, tuy nhiên chúng ta đã bắt đầu quy định việc bảo hộ nguồn tri thức này thông qua các luật chuyên ngành như Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Đa dạng sinh học năm 2007, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005... Nhận thấy tầm quan trọng và để đóng góp cho

những nghiên cứu về tri thức truyền thống, cách thức bảo hộ pháp lý trong việc sử dụng và chia sẻ lợi ích từ khai thác tri thức truyền thống, tôi đã lựa chọn đề tài: "***Bảo hộ và chia sẻ lợi ích tri thức bản địa trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam***"

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

So với các đối tượng được bảo hộ pháp lý của luật sở hữu trí tuệ, bảo hộ tri thức bản địa mới được đưa ra nghiên cứu trong những năm gần đây. Các nghiên cứu xuất hiện nước ta hiện nay thể hiện ở những góc độ khác nhau và được trình bày dưới dạng các bài báo khoa học, chuyên đề, báo cáo tổng kết... Có thể kể tới các nghiên cứu này như: *Mối quan hệ giữa văn hóa và môi trường*, tài liệu dự án "Tri thức bản địa về môi trường" của Bùi Văn Thắng thuộc Viện Văn hóa - Thông tin Hà Nội, 2007; "*Bảo hộ tri thức truyền thống tại Việt Nam, vấn đề pháp lý và thực tiễn*" của Phạm Hồng Quát, Cục Sở hữu trí tuệ, 5/2008; một số tài liệu cho phép tham khảo tại dự án Việt Nam - Thụy Sĩ về sở hữu trí tuệ (SVIP) 2007 - 2010; một số bài viết của Tiến sĩ Peter- Tobias Stoll Bộ môn Luật môi trường và kinh tế thế giới, Khoa luật - Đại học Geord - August, Göttingen, Đức như: Max-Planck - Tham luận về luật của Tổ chức Thương mại Thế giới, quyển 1, Martinus Nijhoff, Nhà xuất bản Leiden, Boston, 2006 - 2008; "*Bảo hộ tri thức truyền thống cộng đồng bản địa*", của Thanh Hương, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, 2009; "*Cách tiếp cận của Hoa Kỳ: Nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian*", của Jeanne Holden, chuyên đề về quyền sở hữu trí tuệ, ấn phẩm của chương trình thông tin quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 1/ 2006; "*Về khái niệm tri thức bản địa*", của Bùi Hoài Sơn, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, 2008; các bài viết về tri thức bản địa của thạc sĩ Nguyễn Hữu Cải, Trường Đại học Nông - Lâm Thành phố Hồ Chí Minh; "*Tri thức bản địa và phát triển*", của Bùi Thị Thu Hà, Ban Nghiên cứu Văn hóa sinh thái và Du lịch - Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, 2007; "*Thái*

Lan: Luật pháp bảo vệ nguồn gen thực vật" của Surawit Wannakrairoj, Tạp chí Luật học, số 5, 2001; Báo cáo chuyên đề: "*Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về đa dạng sinh học tại Việt Nam*", của Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2005; Báo cáo: "*Tổng quan về đa dạng sinh học ở Việt Nam*", của Bộ Tài nguyên và Môi trường, 1/ 2008; ... Tuy nhiên, nhìn chung chưa có một công trình nghiên cứu đầy đủ và tổng thể về bảo hộ tri thức bản địa dưới góc độ pháp lý đáp ứng những đòi hỏi và thách thức hội nhập hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Mục đích nghiên cứu: Góp phần làm rõ khái niệm và bản chất của tri thức bản địa dưới góc độ pháp luật; Cung cấp những nghiên cứu về các phương thức bảo hộ và chia sẻ lợi ích tri thức bản địa theo pháp luật quốc tế và thực trạng pháp luật Việt Nam điều chỉnh vấn đề này nhằm đưa ra những kiến nghị giải pháp cụ thể xây dựng pháp luật về bảo hộ tri thức bản địa ở nước trong thời kỳ hội nhập.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Với mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là:

- Đưa ra khái niệm, cách hiểu, đặc điểm của tri thức bản địa, những vấn đề pháp lý liên quan tới tri thức bản địa như nguyên lý pháp lý của bảo hộ tri thức bản địa, mối quan hệ giữa bảo hộ tri thức bản địa và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Tình hình pháp luật quốc tế về bảo hộ tri thức bản địa thông qua quy định của các định chế quốc tế lớn như WTO, WIPO, UNESCO và thực tế quy định bảo hộ tri thức bản địa của một số các quốc gia.

- Thực trạng về pháp luật bảo hộ tri thức bản địa Việt Nam, những kiến nghị của học viên về giải pháp bảo hộ.

4. Phạm vi nghiên cứu

Đây là một đề tài rộng nên trong luận văn học viên không thể đề cập hết những vấn đề cụ thể mà chỉ tập trung vào những phần chính mà tác giả cho là quan trọng nhất.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Khái niệm tri thức bản địa.

Chương 2: Những biện pháp bảo hộ và chia sẻ lợi ích tri thức bản địa trong pháp luật quốc tế.

Chương 3: Bảo hộ và chia sẻ lợi ích tri thức bản địa trong pháp luật Việt Nam.